

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v: Sửa đổi điều lệ Công ty

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

Mã chứng khoán: VC3

Địa chỉ trụ sở chính: Số 249 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP  
Hà Nội

Điện thoại: 04 3756 0333                      Fax: 04 3756 0332                      Email: info@vc3.vn

Website: <http://vinaconex3.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lưu Hồng Huệ

Điện thoại cơ quan: 04 3756 0333              Fax: 04 3756 0332

Loại thông tin công bố: Bất thường

Nội dung thông tin công bố: Sửa đổi điều lệ

- Trước khi thay đổi : Vốn điều lệ 219.997.420.000 đồng, chưa có ngành nghề kinh doanh hoạt động mua bán nợ
- Sau khi thay đổi : Vốn điều lệ 283.794.610.000 đồng, bổ sung ngành nghề kinh doanh hoạt động mua bán nợ
- Ngày có hiệu lực : 19/05/2017

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:  
<http://vinaconex3.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Điều lệ CTCP Xây dựng số 3 sửa đổi  
ban hành ngày 19/05/2017.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Lưu Hồng Huệ



VINACONEX3

## **ĐIỀU LỆ**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3**

*Hà Nội, ngày 19/5/2017*

# MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1 Định nghĩa.....	4
II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
III Điều 3 Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 4 Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
Điều 5 Nguyên tắc quản trị và điều hành của Công ty.....	7
Điều 6 Quyền hạn của Công ty.....	7
Điều 7 Nghĩa vụ của Công ty.....	8
IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 8 Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 9 Chứng chỉ cổ phiếu.....	10
Điều 10 Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 11 Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 12 Thu hồi cổ phần.....	11
Điều 13 Phát hành thêm cổ phiếu.....	12
Điều 14 Phát hành trái phiếu.....	12
Điều 15 Mua cổ phần, trái phiếu.....	12
V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIÈM SOÁT.....	12
Điều 16 Cơ cấu tổ chức quản lý.....	12
VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	12
Điều 17 Quyền của cổ đông.....	12
Điều 18 Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 19 Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 21 Các đại diện được ủy quyền.....	18
Điều 22 Thay đổi các quyền.....	19
Điều 23 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21

Điều 25	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 26	Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 27	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 28	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 29	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
VII	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	26
Điều 30	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 31	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32	Chủ tịch, phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 33	Người đại diện theo pháp luật	32
Điều 34	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
VIII	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....</b>	36
Điều 35	Tổ chức bộ máy quản lý.....	36
Điều 36	Cán bộ quản lý.....	36
Điều 37	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	36
Điều 38	Thư ký Công ty.....	38
IX	<b>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....</b>	39
Điều 39	Trách nhiệm cản trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.....	39
Điều 40	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 41	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
X	<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>	41
Điều 42	Thành viên Ban kiểm soát.....	41
Điều 43	Ban kiểm soát.....	42
XI	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	44
Điều 44	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	45
XII	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	45
Điều 45	Công nhân viên công đoàn.....	45
XIII	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....</b>	45
Điều 46	Cổ tức.....	45
Điều 47	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	47
XIV	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....</b>	47

Điều 48	Tài khoản ngân hàng.....	47
Điều 49	Trích lập các quỹ sau thuế của Công ty.....	47
Điều 50	Năm tài khóa.....	47
Điều 51	Hệ thống kế toán.....	47
XV	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG.....</b>	48
Điều 52	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	48
Điều 53	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	49
XVI	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	49
Điều 54	Kiểm toán.....	49
XVII	<b>CON DẤU.....</b>	49
Điều 55	Con dấu.....	49
XVIII	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>	49
Điều 56	Chấm dứt hoạt động.....	50
Điều 57	Gia hạn hoạt động.....	50
Điều 58	Thanh lý.....	50
XIX	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	50
Điều 59	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
XX	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	51
Điều 60	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	51
XXI	<b>NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	51
Điều 61	Ngày hiệu lực.....	51

# PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần xây dựng số 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty" được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1049/QĐ - BXD ngày 07 tháng 8 năm 2002 của Bộ Xây dựng. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành các hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xây dựng số 3 ngày 22 tháng 4 năm 2016.

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - 1.a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
  - 1.b. "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.
  - 1.c. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  - 1.d. "Công ty" là Công ty cổ phần Xây dựng số 3 - Vinaconex 3.
  - 1.e. "Vốn Điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 8 của Điều lệ này.
  - 1.f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - 1.g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - 1.h. "Cán bộ quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.
  - 1.i. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
  - 1.j. "Công ty con" là các doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn Điều lệ hoặc Công ty có quyền kiểm soát chi phối.
  - 1.k. "Công ty thành viên liên kết" là doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp nhưng không nắm quyền kiểm soát chi phối và có sự liên kết chặt chẽ với Công ty thông qua chiến lược phát triển, chiến lược thị trường, định hướng đầu tư công nghệ, nguồn cung cấp nguyên liệu, thị trường, thương hiệu và các vấn đề khác có liên quan trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - 1.l. "Quyền kiểm soát chi phối" là quyền Công ty với Công ty con được xác định khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở Công ty con (Công ty có thể sở hữu trực tiếp Công ty con hoặc sở hữu gián tiếp Công ty con thông qua một Công ty khác) hoặc khi Công ty có

quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty đó hoặc khi Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần xây dựng số 3
  - Tên tiếng Anh: Construction Joint Stock Company N03
  - Tên giao dịch: Construction Joint Stock Company N03
  - Tên viết tắt: VINACONEX 3
2. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân
  - 2.a. Công ty Cổ phần xây dựng số 3 – VINACONEX3 hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật.
  - 2.b. Công ty có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
  - 2.c. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
  - 2.d. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ bằng toàn bộ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
  - 2.e. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
  - Địa chỉ: 249 đường Hoàng Quốc Việt - phường Nghĩa Tân - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.
  - Điện thoại: 043.7560333 – 043.7566372 – 043.7917861.
  - Fax: 84-4-37560332.
  - E-mail: info@vc3.vn
  - Website: vinaconex3.vn
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty .

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
  - 1.a. Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế đến 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại.
  - 1.b. Xây dựng và kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch.
  - 1.c. Lắp đặt các loại cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang máy, điều hoà, thông gió, phòng cháy chữa cháy, cấp thoát nước...).
  - 1.d. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng sản xuất kinh doanh đồ gỗ, hàng tiêu dùng.
  - 1.e. Tư vấn đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư.
  - 1.f. Dịch vụ cho thuê sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị, kinh doanh thiết bị xây dựng.
  - 1.g. Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thuỷ sản, hàng tiêu dùng.
  - 1.h. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
    - 1.i. Dịch vụ cho thuê sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị, kinh doanh thiết bị xây dựng.
    - 1.j. Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
    - 1.k. Thoát nước và xử lý nước thải.
    - 1.l. Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ.
    - 1.m. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
    - 1.n. Kinh doanh cơ sở lưu trú.
    - 1.o. Cho thuê xe có động cơ.
    - 1.p. Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư.
    - 1.q. Kinh doanh hoạt động mua bán nợ.
    - 1.r. Các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.
  2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 2.a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 2.b. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 5. Nguyên tắc quản trị và điều hành của Công ty**

1. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật và theo Điều lệ Công ty.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.
4. Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

#### **Điều 6. Quyền hạn của Công ty**

1. Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty
  - 1.a. Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty theo Luật định. Công ty có quyền lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn phù hợp với quy định của pháp luật.
  - 1.b. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
  - 1.c. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
  - 1.d. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ.
  - 1.e. Kinh doanh những ngành nghề được Nhà nước cho phép và thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.
  - 1.f. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước, được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.
  - 1.g. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.
  - 1.h. Được bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của Pháp luật.

- 1.i. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh.
  - 1.j. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thường, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của Pháp luật.
  - 1.k. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.
2. Quyền quản lý tài chính của Công ty
    - 2.a. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.
    - 2.b. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
    - 2.c. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu, tăng giảm vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật; được thế chấp các tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng Việt Nam và các ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam được pháp luật Việt Nam cho phép để vay vốn kinh doanh theo quy định của Pháp luật. Khi có đầy đủ điều kiện, Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.
    - 2.d. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty**

1. Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - 1.a. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước các khách hàng và Pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
  - 1.b. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu của thị trường.
  - 1.c. Ký kết và tổ chức thực hiện các Hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng.
  - 1.d. Tìm kiếm công việc phù hợp với năng lực của Công ty.
  - 1.e. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thoả ước lao động tập thể và các quy chế khác.
  - 1.f. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tổ chức hoạt động và các vấn đề liên quan khác định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Nhà nước và của Đại hội đồng cổ đông Công ty, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo này.
  - 1.g. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của Pháp luật, tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- 1.h. Không ngừng đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất được giao, bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý nhằm tạo lợi nhuận cao, thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh.
- 1.i. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường, di tích lịch sử văn hóa, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và công tác phòng cháy chữa cháy.
2. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty
- 2.a. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; hạch toán kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo tài chính của Công ty.
- 2.b. Bảo toàn và phát triển vốn.
- 2.c. Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá đúng và khách quan về hoạt động của Công ty.
- 2.d. Thực hiện các nghĩa vụ về nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp luật.
- 2.e. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi Vốn điều lệ của đơn vị mình.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 8. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn Điều lệ của Công ty do các cổ đông tự nguyện tham gia đóng góp bằng nguồn vốn hợp pháp của mình.
2. Vốn Điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được quy đổi theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng.
3. Tại thời điểm thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung này, vốn Điều lệ của Công ty là 283.794.610.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi ba tỷ bảy trăm chín mươi tư triệu sáu trăm mươi nghìn đồng).
4. Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 28.379.461 cổ phần (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi một cổ phần), mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.
5. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Tại thời điểm thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông (dưới đây gọi tắt là cổ đông).
7. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
8. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết

sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

9. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
10. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
11. Việc tăng giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật.
12. Vốn Điều lệ của Công ty chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
13. Không sử dụng vốn Điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (*Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác phù hợp với các quy định của Pháp luật*).

## **Điều 9. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - 1.a. Tên mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
  - 1.b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
  - 1.c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu.
  - 1.d. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
  - 1.e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
  - 1.f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có).
  - 1.g. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
2. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.  
Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
  - 2.a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ.
  - 2.b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

#### **Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác**

- Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 11. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

- Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

#### **Điều 12. Thu hồi cổ phần**

- Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 Điều 12 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay không kỳ hạn của ngân hàng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **Điều 13. Phát hành thêm cổ phiếu**

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ của Công ty và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.
2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

### **Điều 14. Phát hành trái phiếu**

1. Khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

### **Điều 15. Mua cổ phần, trái phiếu**

1. Cổ phiếu, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được quy thành tiền Đồng Việt Nam tại thời điểm mua cổ phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 17. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân, không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 18 Luật doanh nghiệp, là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần hoặc đã đóng và có cam kết đóng đủ tiền trong thời hạn quy định và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Người đại diện theo Pháp luật của cổ đông tại Công ty:
  - 3.a. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân:
    - Người đại diện phần vốn của pháp nhân tại Công ty là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.
    - Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện phần vốn của mình tại Công ty.

Những người được uỷ quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được uỷ quyền cho người khác.

- 3.b. Cổ đông là chủ nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty.
  - 3.c. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty.
  - 3.d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
4. Thay thế cổ đông:
    - 4.a. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân được sáp nhập, chia tách, hợp nhất thành pháp nhân mới được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông pháp nhân mới phải gửi cho Công ty văn bản đề nghị việc thay thế đại diện cổ đông. Đồng thời kèm theo các văn bản pháp lý có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của pháp nhân về việc sáp nhập, chia tách, hợp nhất hoặc kế thừa.
    - 4.b. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể, phá sản thì cổ phần của cổ đông này có thể được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thế nhân khác.
    - 4.c. Trong trường hợp bất kỳ cổ đông nào chết hoặc chấm dứt hoạt động, thì những người hay tổ chức được nêu dưới đây phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động này:
      - Đối với thế nhân là những người thừa kế.
      - Đối với pháp nhân là những người đại diện, hay pháp nhân được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
      - Trường hợp không có người thừa kế hoặc thừa kế là những thế nhân hay pháp nhân theo quyết định của tòa án.
    - 4.d. Những người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động, có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.
  5. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
    - 5.a. Tham gia họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
    - 5.b. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
    - 5.c. Tự do mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
    - 5.d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
    - 5.e. Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty; được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan

đến quyền lợi cổ đông, trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Thủ thuật marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...

- 5.f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - 5.g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại (*nếu có*) tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật.
  - 5.h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.
  - 5.i. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đầu tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
  - 5.j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
6. Ngoại trừ quy định về quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều 30 và Khoản 3 Điều 42 Điều lệ này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
    - 6.a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều 30 và Khoản 3 Điều 42 Điều lệ này.
    - 6.b. Được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
      - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
      - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
      - Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
    - 6.c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
    - 6.d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả

nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

- 6.e. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
- 6.f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
7. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại mục a khoản 6 Điều 17 được thực hiện như sau:

Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho người triệu tập Đại hội biết chậm nhất ngay trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - 6.a. Vi phạm pháp luật.
  - 6.b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - 6.c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

#### **Điều 19. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - 1.a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.
  - 1.b. Báo cáo của Ban kiểm soát.
  - 1.c. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
  - 1.d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- 2.a. Thông qua bản báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ.
- 2.b. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của các kiểm toán viên.
- 2.c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 2.d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
- 2.e. Lựa chọn Công ty kiểm toán.
- 2.f. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 2.g. Án định tổng số tiền thù lao và các quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 2.h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
- 2.i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.
- 2.j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
- 2.k. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
- 2.l. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- 2.m. Quyết định tăng giảm Vốn điều lệ.
- 2.n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty.
- 2.o. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.
- 2.p. Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 2.q. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- 2.r. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 3.a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
- 3.b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 20. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm cụ thể do người triệu tập Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - 3.a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
  - 3.b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ.
  - 3.c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ này.
  - 3.d. Theo yêu cầu triệu tập Đại hội đồng bằng văn bản kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 6 Điều 17 của Điều lệ này. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).
  - 3.e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
  - 3.f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
  - 4.a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Mục c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Mục d,e khoản 3 Điều này.
  - 4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Mục a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
  - 4.c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Mục b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Mục d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.



nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- 4.d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- 4.e. Người triệu tập phải lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

## **Điều 21. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản theo mẫu của Công ty và được gửi đến Công ty trong thời gian sớm nhất trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - 2.a. Tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông.
  - 2.b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty.
  - 2.c. Họ tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
  - 2.d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện.
  - 2.e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền.
  - 2.f. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
  - 2.g. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
  - 2.h. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
  - 2.i. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.
4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó

được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - 5.a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
  - 5.b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.
  - 5.c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
6. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
7. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Thay đổi các quyền**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24 và Điều 26.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Mục b,c khoản 4 Điều 20.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - 2.a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông. Chương trình, nội dung họp, các tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.
  - 2.b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
  - 2.c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 6 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 23 trong các trường hợp sau:
  - 5.a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
  - 5.b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng.
  - 5.c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định

tại Khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm án định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm án định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 23.
5. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi tên cổ đông, số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông là người chủ trì phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Những người tham gia họp cử một thư ký ghi biên bản họp. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội đồng cổ đông của những người tham gia. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.

#### **Điều 25. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc một số thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
  - 4.a. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
  - 4.b. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
  - 4.c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
  - 4.d. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
  - 6.a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội.
  - 6.b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp.
  - 6.c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 25, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Chủ tọa Đại hội cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Chủ tọa Đại hội sau khi xem xét một

cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội. Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp.

10. Chủ tọa Đại hội, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Chủ tọa Đại hội cho là thích hợp để:

10.a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.

10.b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.

10.c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Chủ tọa Đại hội có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Chủ tọa Đại hội thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Chủ tọa Đại hội khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

11.a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại hội").

11.b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

13. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

14. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

15. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

## **Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

1.a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

1.b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.

1.c. Thay đổi cơ cấu, tổ chức quản lý Công ty.

1.d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

1.e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
4. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

#### **Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - 3.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
  - 3.b. Mục đích lấy ý kiến.
  - 3.c. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của cổ đông là tổ chức hoặc Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- 3.d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
- 3.e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- 3.f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- 3.g. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 5.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- 5.b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
- 5.c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- 5.d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- 5.e. Các vấn đề đã được thông qua.
- 5.f. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời gian mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này và phải có các nội dung chủ yếu sau:

- 1.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

- 1.b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
  - 1.c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
  - 1.d. Họ tên Chủ tọa và thư ký.
  - 1.e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
  - 1.f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
  - 1.g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
  - 1.h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua.
  - 1.i. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
  3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ và công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ các biên bản họp hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
  4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, các bản ghi chép, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
  5. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản họp.

#### **Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 6 Điều 17 có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 23 của Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

#### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có từ năm (05) đến mươi một (11) thành viên và do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo yêu cầu phát triển của Công ty. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị gồm 1 Chủ tịch, có thể có 1 Phó chủ tịch và các uỷ viên. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (*nếu có*) bằng thủ thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số phiếu chấp thuận (*tính theo số thành viên Hội đồng quản trị*).
7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - 7.a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
  - 7.b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
  - 7.c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
  - 7.d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
  - 7.e. Thành viên đó bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
9. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

### **Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - 3.a. Quyết định kế hoạch, chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
  - 3.b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - 3.c. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Mục n Khoản 2 Điều 19 và Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này.
  - 3.d. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này.
  - 3.e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
  - 3.f. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ, việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).
  - 3.g. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
  - 3.h. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc và bộ máy điều hành trong năm tài chính.

- 3.i. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.
  - 3.j. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản trị mà mình gây ra gây thiệt hại cho Công ty.
  - 3.k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
  - 3.l. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó.
  - 3.m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.
  - 3.n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.
  - 3.o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn cho Công ty theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.
  - 3.p. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục, tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
  - 3.q. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
  - 3.r. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
  - 3.s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
  - 3.t. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã được chào bán.
  - 3.u. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 4.a. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm Công ty và liên doanh).
  - 4.b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.
  - 4.c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.
  - 4.d. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá một trăm triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

- 4.e. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; việc góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.
- 4.f. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.
- 4.g. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 4.h. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị có quyền sử dụng bộ máy của Công ty để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình.
8. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- 8.a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật Doanh nghiệp.
- 8.b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- 8.c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- 8.d. Không đồng thời làm thành viên Ban kiểm soát.
9. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
10. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
11. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

12. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
  13. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.  
Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
  14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ hoặc có thể ủy quyền cho người khác thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công. Việc ủy quyền này phải được các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị thông qua bằng Nghị quyết. Người được ủy quyền phải đủ điều kiện được quy định tại Khoản 8 Điều 31 Điều lệ này.  
Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
- 14.a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
  - 14.b. Quyền được cung cấp thông tin theo Khoản 11 Điều 34 của Điều lệ này.
  - 14.c. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.
  - 14.d. Thực hiện Điều lệ của Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
  - 14.e. Một trong số các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc.
  - 14.f. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong vòng 10 ngày làm việc.
15. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông phải bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết.

### **Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
  - Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
  - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Chuẩn bị hoặc tổ chức chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
  - Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
  - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
  - Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
  - Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
  - Quyết định cử đi công tác, đào tạo nước ngoài với các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý theo đề nghị của Tổng giám đốc (nếu có).
  - Lập chương trình công tác và phân công công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị.
  - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Chủ tịch Hội đồng quản có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 33. Người đại diện theo pháp luật**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện các công việc của Công ty theo phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật theo quy định hiện hành bao gồm:  
Đại diện cho Công ty trong tất cả các giao dịch với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, đối tác trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc cá nhân khác thực hiện một hoặc một số quyền thuộc thẩm quyền của mình theo phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát việc thực hiện công việc được ủy quyền và đồng thời chịu trách nhiệm trước cổ đông và trước pháp luật về kết quả thực hiện công việc ủy quyền đó, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc quản lý các tài khoản hàng, các công việc liên quan với cơ quan thuế, việc ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế, các vấn đề về ký kết, thực hiện Hợp đồng lao động, các tranh chấp pháp lý tại Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác với tư cách là người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc cá nhân khác thực hiện các công việc trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Điều

lệ này, phân công phân cấp của Hội đồng quản trị và pháp luật; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về các công việc ủy quyền này.

#### **Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp người có số phiếu bầu cao nhất không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị thì phải chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại xảy ra đối với Công ty từ việc không triệu tập này.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác. Cuộc họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các trường hợp dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - 3.a. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý.
  - 3.b. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
  - 3.c. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - 3.d. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của từng thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Biểu quyết:
  - 10.a. Trừ quy định tại Mục b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
  - 10.b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
  - 10.c. Theo quy định tại Mục d Khoản 10 Điều này khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
  - 10.d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Mục a,b khoản 4 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
12. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
  - 12.a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
  - 12.b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- 12.c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bằng hình thức này.
- 12.d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.
15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 15.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
  - 15.b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
  - 15.c. Thời gian, địa điểm họp.
  - 15.d. Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do.
  - 15.e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
  - 15.f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
  - 15.g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
  - 15.h. Các vấn đề đã được thông qua.
  - 15.i. Họ tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiêu ban trực thuộc. Thành viên của tiêu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiêu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiêu ban nếu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiêu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa ( $1/2$ ) tổng số thành viên của tiêu ban và nghị quyết của các tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiêu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

### Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc hoặc một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

### Điều 36. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và cơ cấu cán bộ quản lý cần thiết, phù hợp với tổ chức và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có năng lực và trình độ đảm bảo các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - 3.a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - 3.b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
  - 4.a. Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phạm vi phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - 4.b. Ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, lao động khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này, phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị và pháp luật hiện hành.
  - 4.c. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Điều lệ và pháp luật. Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao/ủy quyền.
  - 4.d. Kiến nghị phương án, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
  - 4.e. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
  - 4.f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc các Ban chức năng và tương đương và các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - 4.g. Kiến nghị số lượng và cơ cấu cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị thông qua; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý thuộc diện bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị.
  - 4.h. Được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền về các vấn đề: ký kết các Hợp đồng lao động, quyết định số lượng người lao động trong định biên phê duyệt của Hội đồng quản trị, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ theo quy định tại Điều lệ này.
  - 4.i. Trình Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo pháp luật duyệt các dự thảo Báo cáo/Kê khai gửi cơ quan thuế định kỳ theo quy định của pháp luật.
  - 4.j. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05 năm) trước khi trình Hội đồng quản trị phê chuẩn.

- 4.k. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua phù hợp với phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 4.l. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.
- 4.m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét trước khi trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- 4.n. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
- 4.o. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 4.p. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao/ủy quyền và phải báo cáo các các đối tượng này khi được yêu cầu. Nếu điều hành trái với nhiệm vụ và quyền hạn được giao mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- 4.q. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 4.r. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bỏ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

### **Điều 38. Thủ ký Công ty**

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thủ ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:
- 1.a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và ghi chép các biên bản.
- 1.b. Tham dự các cuộc họp.
- 1.c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
- 1.d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị.
- 1.e. Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật pháp.
- 1.f. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 1.g. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
- 1.h. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- 1.i. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

- 1.j. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có trách nhiệm khác của Công ty, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình có các nghĩa vụ sau đây:
  - 1.a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
  - 1.b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán, cẩn trọng và tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
  - 1.c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - 1.d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
  - 1.e. Không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị cho phép.

### **Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - 4.a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.
  - 4.b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.
  - 4.c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.
7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
8. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không

HN/CP  
01/2021

có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## X. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 42. Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - 1.a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật Doanh nghiệp.
  - 1.b. Có trình độ đại học trở lên và năng lực kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hoạt động của Công ty; không được giữ chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
  - 1.c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
  - 1.d. Là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu cử. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa bầu được thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - 2.a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát.
  - 2.b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.
  - 2.c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên hoặc sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất trong các trường hợp sau:
  - 4.a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
  - 4.b. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát.
  - 4.c. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.

- 4.d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
- 4.e. Thành viên đó không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
- 4.f. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
- 4.g. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Mỗi thành viên Ban kiểm soát dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:
- 5.a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kê toán và báo cáo tài chính.
- 5.b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện sở hữu từ 10% vốn điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.
- 5.c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và ý kiến lên Đại hội đồng cổ đông.
- 5.d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kê toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành, hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 5.e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Mục c khoản 5 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.
- 5.f. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 5.g. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

### **Điều 43. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- 1.a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- 1.b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 1.c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- 1.d. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát.
- 1.e. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
- 1.f. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- 1.g. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
- 1.h. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện sở hữu từ 10% vốn Điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.
- 1.i. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- 1.j. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
- 1.k. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 1.l. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 1.m. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 1.n. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- 1.o. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
2. Việc kiểm tra quy định tại Mục a, b khoản 5 Điều 42 Điều lệ này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
  4. Khi trưởng Ban kiểm soát từ chức hoặc bị bãi miễn thì Ban kiểm soát phải bầu người thay thế trong vòng bảy (07) ngày làm việc. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
  5. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là ba (03) người.
  6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.
  7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 6 Điều 17 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được干涉 hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
  8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
  9. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
  10. Ban Kiểm soát có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban Kiểm soát để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
- Việc bổ nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

#### **Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 30 và Khoản 3 Điều 42 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông Công ty có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

### **XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 45. Người lao động và công đoàn**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị thông qua các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng quản trị áp định mức tối đa tổng số nhân viên và quỹ lương Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị thuê hoặc uỷ quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty phù hợp với các quy định của Công ty và pháp luật về lao động. Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền và người lao động phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng lao động của Công ty, có quyền ban hành Nội quy Công ty. Người lao động Công ty phải tuân thủ Nội quy này.

### **XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

#### **Điều 46. Cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Công ty và bù

đáp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Công ty trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về việc trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, họ tên, địa chỉ, số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

#### **Điều 47. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 49. Trích lập các quỹ sau thuế của Công ty**

1. Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty một khoản để lập các quỹ theo quy định. Việc lập các quỹ khác sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
2. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 50. Năm tài khóa**

1. Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.

#### **Điều 51. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập đầy đủ sổ sách, chứng từ, báo cáo kế toán và các tài liệu kế toán liên quan bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ theo quy định hiện hành hồ sơ kế toán theo loại hình

của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kê toán.

## XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

### Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 54 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
  - 2.a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.
  - 2.b. Báo cáo tài chính.
  - 2.c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
4. Báo cáo tài chính của Công ty phải được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Hội đồng quản trị lựa chọn và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 52 Điều lệ này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
6. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị: Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo Kiểm toán phải có tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
7. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
8. Bảng tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế Trung ương trong vòng ba (03) số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài

chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.

9. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bảng báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
10. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư của mình và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

#### **Điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hưu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 54. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 55. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. Công ty sở hữu con dấu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **XVIII. CHẨM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

## **Điều 56. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - 1.a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn.
  - 1.b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - 1.c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - 1.d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Thủ tục giải thể hoặc phá sản Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 57. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Điều 58. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - 3.a. Các chi phí thanh lý.
  - 3.b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
  - 3.c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước.
  - 3.d. Các khoản vay (nếu có).
  - 3.e. Các khoản nợ khác của Công ty.
  - 3.f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - 1.a. Cổ đông với Công ty; hoặc

- 1.b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.
- 1.c. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà án quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

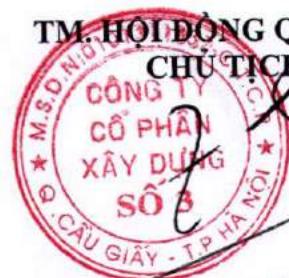
1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Khi sửa đổi, bổ sung Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì phần sửa đổi, bổ sung sẽ được ghi vào bản Điều lệ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 61. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương - 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng số 3 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2016 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 3 năm 2017 đã thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 3, Điều 8.
2. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ trước đây và được lập thành 10 bản, có giá trị pháp lý như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu ba phần năm (3/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*Làm tại thành phố Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017*



*PHẠM VĂN THÀNH*